

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 27/2024/DS-PT

Ngày 05-3-2024

V/v “*tranh chấp phạt vi phạm
và bồi thường thiệt hại do vi
phạm hợp đồng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thương

Ông Đặng Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Vân- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Ly- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T1 (Nay là Công ty CP T1).

Địa chỉ: E T, phường C, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị L, chức vụ: Chủ tịch Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Tuyết O, chức vụ: Nhân viên Công ty CP T1; địa chỉ: xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định (theo giấy uỷ quyền ngày 04/3/2024). Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Đào Thanh B; địa chỉ: A H, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Đào Thanh B.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Tuyết O trình bày:

Trong năm 2020 và năm 2021 Công ty TNHH MTV T1 (sau đây gọi tắt là công ty) có ký các hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu với vợ chồng ông Đào Thanh B, bà Nguyễn Thị Xuân S, cụ thể: Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu số 2021DT1294 ngày 17/12/2020, kèm theo phụ lục hợp đồng số 01 về việc ứng vốn đối với diện tích bổ sung ngày 06/4/2021 (đính kèm hợp đồng số 2021DT1294 ngày 17/12/2020) và Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu số 2021DT1976 ngày 19/02/2021. Bản hợp đồng sau khi ông B ký sẽ chuyển về cho người có thẩm quyền của công ty ký và đóng dấu để gửi đến cho ông B, sau khi ký và đóng dấu xong sẽ được chuyển đến cho nhân viên nông vụ để nhân viên nông vụ giao lại cho chủ mía. Giá mía nguyên liệu do công ty thông báo từ đầu vụ thu hoạch trên cơ sở cung cầu của thị trường và mặt bằng chung giữa các nhà máy. Giá mua mía nguyên liệu không cố định mà được điều chỉnh tăng theo từng giai đoạn thu hoạch, cụ thể vụ mùa 2021-2022 giá đầu vụ là 990.000 đồng/tấn mía nguyên liệu 10CCS và cuối vụ là 1.120.000đồng/tấn mía nguyên liệu 10CCS, trừ đường giảm 1CCS thì sẽ giảm 20.000 đồng. Do sản lượng trừ đường mía ông B thấp hơn 10CCS nên C mua theo trừ đường thực tế với giá 860.400 đồng/tấn mía nguyên liệu 10CCS là đúng với Thông báo đã gửi cho ông B ngày 30/11/2021. Mức giá trên chưa bao gồm các khoản công ty trợ giá đầu tư như đường xá, công chặt, chi phí vận chuyển,... Về tạp chất thì nếu tạp chất dưới 3% thì công ty B1 còn trên 3% thì người dân phải chịu phần vượt quá 3%.Do đó tuy mức giá Công ty mua của người dân có thể thấp hơn bên thứ 3 nhưng đổi lại công ty bao tiêu toàn bộ đầu ra cho người dân và gắn với các chính sách đầu tư lâu dài khác giữa công ty với người dân. Theo các điều khoản có trong các hợp đồng nói trên hai bên đã thống nhất thỏa thuận và ràng buộc quyền, nghĩa vụ với nhau cụ thể như sau: Công ty sẽ tạm ứng vốn cho ông B để trồng và chăm sóc mía (Ông B nhận vật tư bằng phân bón 5,2 tấn phân trị giá 48.516.000 đồng của Công ty, ngoài ra ông B không nhận thêm khoản nào từ nhà máy). Khi thu hoạch mía, ông B phải bán và giao toàn bộ sản lượng mía trên diện tích được đầu tư cho công ty. Tiền mua mía sẽ được căn trừ vào tiền tạm ứng vốn, tiền lãi, giá trị dư ra sẽ được thanh toán cho ông B. Căn cứ phiếu điều tra nông nghiệp được lập giữa đại diện Công ty và ông B trong vụ mùa 2021-2022trên diện tích 19,5 ha là 1.268 tấn nhưng ông B chỉ giao cho Công ty 54,43 tấn, sản lượng còn lại 1.213,57 tấn ông Bình b cho bên thứ ba.

Khi phát hiện ra hành vi vi phạm của ông Bình Công ty đã rất nhiều lần gặp gỡ yêu cầu ông B chấm dứt việc mua bán mía cho bên thứ ba nhưng ông B vẫn cố tình vi phạm nên công ty đã lập Biên bản làm việc và tại Biên bản làm việc ông B xác nhận không giao sản lượng mía còn lại cho Công ty và bán sản lượng mía trên diện tích nhận đầu tư cho bên thứ ba. Về vi phạm và xử lý vi phạm: Ông B đã vi phạm điểm b Điều 14.2.2 Hợp đồng hai bên đã ký kết thể hiện “Nếu bên B có hành vi quy định tại Điều 14.2.1 (e) thì bên B chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng 8% và bồi thường thiệt hại với mức cố định bằng 50% giá trị sản lượng mía bên B bán cho bên thứ ba. Sản lượng mía dùng để tính phạt và bồi thường thiệt hại là sản lượng mía ước tính trên mỗi ha quy định tại Điều 9.1 của Hợp đồng nhân với diện tích mía bên B vi phạm”.

Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH MTV T1 có các yêu cầu: Buộc ông Đào Thanh B thanh toán cho công ty tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại với tổng số tiền 696.831.894 đồng, trong đó: Tiền phạt vi phạm là 96.114.744 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 600.717.150 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV T1 yêu cầu ông Đào Thanh B trả tiền phạt vi phạm 8% là 96.114.744 đồng. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 50% với số tiền là 600.717.150 đồng: Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty TNHH MTV T1 thấy hoàn cảnh ông B khó khăn, vợ mất, con nhỏ và ông B là khách hàng lâu năm. Công ty muốn duy trì quan hệ làm ăn với ông B về sau nên đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại 50% với số tiền là 600.717.150 đồng, Công ty X được rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu này.

2. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Đào Thanh B trình bày:

Ông B xác nhận có ký vào văn bản khi nhân viên Công ty xuống đo đạc diện tích đất trồng mía của gia đình ông. Mục đích đo đạc là để về làm hợp đồng với Công ty, ông B có ký vào trang cuối của hợp đồng khi nhân viên Công ty xuống rẫy. Các điều khoản có trong hợp đồng ông B không biết, nhân viên nông vụ cũng không đọc bất cứ nội dung nào của hợp đồng cho ông B và nhân viên nông vụ cũng không đưa cho ông B đọc nội dung hợp đồng mà chỉ yêu cầu ký vào trang cuối của hợp đồng. Ông B không đồng ý với các nội dung trong bản hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu như Công ty cung cấp cho Tòa án vì không hợp pháp, không có chữ ký từng trang của ông B và không có đóng dấu giáp lai của công ty. Mặt khác ông B không biết và Công ty cũng không giao bản hợp đồng để ông B biết và thực hiện. Ông B chỉ nhận được bản pho to hợp đồng và các giấy tờ kèm theo ngày 12/01/2022 sau khi ông đã bán hết mía cho bên thứ ba thì Công ty mới gửi hợp đồng và các giấy tờ cho ông đề nghị không được bán mía cho bên thứ ba. Bản thân ông không biết được nội dung của hợp đồng thì làm sao ông thực hiện đúng như hợp đồng được. Ông B xác nhận vụ mùa năm 2020 -2021 có nhận đầu tư của Công ty TNHH T1, ông có nhận phân bón tương ứng với số tiền 48.516.000 đồng. Trước khi bán cho bên thứ ba ông B đã gọi Công ty xuống để hai bên thỏa thuận với nhau về

mức giá mua, ông B yêu cầu Công ty tăng giá vì giá mía Công ty mua thấp hơn giá thị trường tại thời điểm đó nên ông B mới bán mía cho bên thứ ba. Ông B không có trách nhiệm ràng buộc với Công ty vì ông không nhận được hợp đồng của Công ty để mà thực hiện. Tại thời điểm thu hoạch 2021 -2022 giá mía giữa Công ty và giá bán cho bên thứ ba chênh lệch giá rất nhiều, cụ thể như sau:

Bên thứ ba mua với giá 1.020.000 đồng/tấn, không trừ tạp chất còn Công ty mua với giá 860.400 đồng/tấn còn trừ 4-5% tạp chất.

Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1 ông B không đồng ý vì ông B không được đọc nội dung hợp đồng và không được nhận bản hợp đồng để thực hiện và giá mía mua không đúng như Công ty đã thông báo, cụ thể Công ty thông báo giá 990.000/1 tấn mía 10CCS nhưng thực tế. Công ty mua giá 860.400 đồng là không đúng như nhà máy đường đã thông báo cho ông B. Sản lượng nhà máy Đ đưa ra để tính phạt là không đúng với thực tế, tại vì vụ mùa năm 2021-2022 do nắng hạn năng suất mía rất thấp và có nhiều diện tích mất trắng và trong cùng một vùng rất nhiều chủ mía bán cho bên thứ ba tại sao Công ty không kiện mà kiện một mình ông B. Lỗi thuộc về Công ty nên ông B không đồng ý với yêu cầu của Công ty.

3. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1.

- Buộc ông Đào Thanh B phải trả cho Công ty TNHH MTV T1 tiền phạt vi phạm 8% là 96.114.744 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị S.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng 50% số tiền 600.717.150 đồng.

- Về án phí: Buộc ông Đào Thanh B phải chịu 4.805.737 đồng. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH MTV T1 đã nộp là 15.936.638 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010379 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Về chi phí giám định: Buộc ông Đào Thanh B phải trả lại số tiền chi phí giám định là 5.400.000 đồng cho Công ty TNHH MTV T1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, thông báo quyền thoả thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

4. Ngày 29-9-2023 và ngày 13-10-2023, bị đơn là ông Đào Thanh B kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết các vấn đề sau:

Ông B đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án số 05/2023/DS-ST ngày 21/9/2023. Về mức phạt vi phạm hợp đồng là 96.114.744 đồng và chi phí giám định 5.000.000 đồng là không thỏa đáng vì ông không yêu cầu giám định. Sản lượng đưa lên tính

phạt là không thực tế, giá mía mua thấp nhưng tính phạt lại giá cao không đúng với phiếu mua mía của ông B và những hộ dân trồng mía.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định của pháp luật, các thủ tục khai mạc phiên tòa và các thủ tục khác được Hội đồng xét xử và Chủ tọa phiên tòa điều hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, các bên đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến công khai tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bản án sơ thẩm xác định tên của nguyên đơn là Công ty TNHH MTV T1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 05/6/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh G cấp. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án, nguyên đơn thực hiện thủ tục thay đổi tên doanh nghiệp thành Công ty CP T1 và được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh G cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 27/11/2023. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tên của nguyên đơn đã được thay đổi thành Công ty CP T1 (sau đây viết tắt là Công ty).

[2] Kháng cáo của bị đơn về mức phạt vi phạm hợp đồng là 96.114.744 đồng và chi phí giám định 5.000.000 đồng là không thỏa đáng vì ông không yêu cầu giám định. Sản lượng đưa lên tính phạt là không thực tế, giá mía mua thấp nhưng tính phạt lại giá cao không đúng với phiếu mua mía của ông B và những hộ dân trồng mía, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại cấp sơ thẩm, ông B thừa nhận đã ký kết Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu số 2021DT1294 ngày 17/12/2020 và Hợp đồng ứng vốn trồng, chăm sóc và bao tiêu mía nguyên liệu số 2021DT1976 ngày 19/02/2021 với Công ty T2 (Nay đổi tên là Công ty CP T1). Tại tiểu mục b, mục

14.2.2 Điều 14 của 02 hợp đồng này có ghi “*Nếu bên B có hành vi quy định tại Điều 14.2.1 (e) thì bên B chịu phạt vi phạm với mức phạt bằng 8% và bồi thường thiệt hại với mức cố định bằng 50% giá trị sản lượng mía bên B bán cho bên thứ ba*”. Quy định này của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 418 của Bộ luật dân sự năm 2015 về “*thỏa thuận phạt vi phạm*”. Như vậy, việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên mức phạt vi phạm hợp đồng là 96.114.744 đồng ($1.213,57 \text{ tấn} \times 990.000\text{đ} \times 8\% = 96.114.744 \text{ đồng}$) là hợp lý, không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông B.

[2.2] Ông B trình bày ông không đề nghị giám định chữ ký, việc cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải chịu số tiền chi phí giám định là không thỏa đáng. Xét thấy tại cấp sơ thẩm, vì ông B phủ nhận các chữ ký tại 02 hợp đồng nêu trên nên phía nguyên đơn có đơn yêu cầu giám định chữ ký chữ viết tại các hợp đồng. Tại kết luận giám định số 32/KL-GĐ ngày 06/01/2023 của Phòng K Công an tỉnh G đã kết luận chữ ký và chữ viết trong 02 hợp đồng, phụ lục hợp đồng, phiếu điều tra nông vụ đều là của ông B. Tại khoản 4 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chịu chi phí giám định như sau: “*4. Trường hợp người tự mình yêu cầu giám định theo quy định tại khoản 3 Điều 160 của Bộ luật này, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là có căn cứ thì người thua kiện phải chịu chi phí giám định*”. Tại cấp sơ thẩm, ông B là người thua kiện, việc T cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu chi phí giám định với số tiền 5.400.000 đồng là phù hợp với quy định của điều luật đã viện dẫn.

[2.3] Đối với nội dung kháng cáo về việc giá mía mua thấp, nhưng tính phạt lại giá cao không đúng với phiếu mua mía của ông B và những hộ dân trồng mía. Nhận thấy, trong hai bản Hợp đồng đã ký kết tại mục 10.1. Điều 10 của Hợp đồng thể hiện rõ: “*Giá mía là giá mua tại bàn cân nhà máy của bên A và sẽ được bên A thông báo cho bên B theo từng thời điểm...*” và theo thông báo số 104/2021/TB-TTC GL, ngày 30/11/2021 của Công ty thì giá mía là 1.020.000 đồng/tấn mía 10 CCS, trừ chung chuyển 30.000 đồng, giá còn lại là 990.000 đồng/tấn. Như vậy, phía Công ty đã thông báo cho ông B biết về giá mua mía theo từng thời điểm, vì vậy, ông B kháng cáo về nội dung này cũng không được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, quyết định giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: ông B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã được bà nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002201 ngày 13-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 418 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 147, 160, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đào Thanh B. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV T1. Nay đổi tên là Công ty CP T1.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị S.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng 50% số tiền 600.717.150 đồng.

Buộc ông Đào Thanh B phải trả cho Công ty CP T1 tiền phạt vi phạm 8% là 96.114.744 đồng.

Về chi phí giám định: Buộc ông Đào Thanh B phải trả lại số tiền chi phí giám định là 5.400.000 đồng cho Công ty CP T1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Đào Thanh B phải chịu 4.805.737 đồng; trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà Công ty TNHH MTV T1 (nay là Công ty CP T1) đã nộp là 15.936.638 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010379 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã được ông nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002201 ngày 13-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện Ayun Pa;
- TAND huyện Ayun Pa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Anh Tuấn